TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 11– 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Đỗ Ngọc Cận.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa****:* Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2020/TLST–HNGĐ, ngày 28/7/2020, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Hà Kim Kh, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường NVL, Khóm B, Phường H, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: ông La Phước T, sinh năm 1986. Địa chỉ: đường ND, Khóm M, Phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Kim Kh trình bày:

Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố ST cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2007. Ông bà chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân là do ông La Phước T không quan tâm đến vợ con. Từ đó ông bà tranh cãi với nhau ngày càng nhiều làm ảnh hưởng lớn đến hòa khí trong gia đình và nhất là ảnh hưởng đến con. Với tình trạng như vậy, người thân cũng đã khuyên để ông bà hàn gắn tình cảm

nhưng ông bà không thể nào khắc phục được mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông bà sinh được hai người con chung tên La Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2008 hiện đang sống cùng ông T và La Hà Gia H, sinh ngày 08/8/2015 hiện đang sống cùng bà Kh. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Kh yêu cầu giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông La Phước T.

+ Về con chung: Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung là La Hà Gia H đến khi cháu H đủ 18 tuổi và bà không yêu cầu ông La Phước T cấp dưỡng nuôi con. Đối với đứa con lớn là La Hà Gia B có nguyện vọng được sống cùng cha nên bà Kh đồng ý giao con chung là La Hà Gia B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi, bà không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà Kh tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Kh tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 08/9/2020 bị đơn ông La Phước T trình bày:

Ông T có nhận được các văn bản của Tòa án và biết được vợ ông là bà Hà Kim Kh xin ly hôn với ông, ông và bà Kh kết hôn vào năm 2007 và có với nhau hai người con chung là cháu B và cháu H, cháu B hiện sống cùng ông T, cháu H sống cùng bà Kh, trong quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung hay nợ chung. Về hôn nhân của ông bà là tự nguyện, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không có gì lớn, về việc bà Kh xin ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông còn thương vợ và hai con còn nhỏ, nếu Tòa án vẫn giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Tại biên bản ghi ý kiến của cháu La Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2008 cháu B trình bày: Cháu B hiện đang sống cùng cha rất vui vẻ và đang đi học lớp 7, nếu cha mẹ không còn chung sống cùng nhau thì cháu B muốn sống cùng với cha.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Việc về tuân thủ pháp luật: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Hà Kim Kh và ông La Phước T đã trở nên trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Kim Kh; Về con chung: Bà Kh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu La Hà Gia H, ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu La Hà Gia B, bà Kh, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà Hà Kim Kh và ông La Phước T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố ST. Bà Kh yêu cầu xin được ly hôn với ông T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông La Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông La Phước T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, bà Hà Kim Kh và ông La Phước T tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố ST cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2007 ngày 12/01/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Kh và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Kh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, bà Kh, ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến vợ con, ông bà tranh cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 1/2020 cho đến nay. Mặc dù, ý kiến của ông T là không đồng ý ly hôn nhưng ông T không tham dự các phiên hòa giải cũng như phiên tòa này để Tòa án hòa giải, động viên vợ chồng bà Kh, ông T đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ

chồng của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Kh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Kh ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T xác định trong thời gian chung sống, ông bà sinh được hai người con chung tên La Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2008 và La Hà Gia H, sinh ngày 08/8/2015. Nay bà Kh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ 18 tuổi, bà đồng ý giao cháu B cho ông La Phước T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu B.

Nhận thấy, từ khi bà Kh và ông T sống ly thân cho đến nay, cháu H do bà Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu B do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay bà Kh đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi cháu H đủ 18 tuổi và bà Kh đồng ý giao cháu B cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng cháu B, đề nghị này của bà Kh là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục tốt cho các cháu, hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của các cháu nên giao cháu B cho ông T, cháu H cho bà Kh tiếp tục trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét về yêu cầu của ông T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và ông T cũng không đưa ra được căn cứ để chứng minh có thể chăm sóc tốt cả hai con nên không có cơ sở để Tòa án xem xét, chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Kh, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án, bà Hà Kim Kh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông La Phước T không phải chịu án phí.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Hà Kim Kh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông La Phước T có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

- Bà Hà Kim Kh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là La Hà Gia H, sinh ngày 08/8/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Ông La Phước T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là La Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2008 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu La Hà Gia B và La Hà Gia H mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Hà Kim Kh và ông La Phước T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Kim Kh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004512 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Hà Kim Kh đã nộp xong án phí. Ông La Phước T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Hà Kim Kh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông La Phước T có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND phường 9, thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương